TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST Ngày: 04-6-2025 Về việc "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm.

Ông Lâm Hữu Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2025, ông Đỗ Thanh T trình bày*:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, ông và bà Lê Thị T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, ông đi làm ăn bà T1 tự ý bỏ nhà đi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ, nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cải, chửi mắng, xúc phạm nhau và vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 9/2024 đến nay. Do đó, ông xác định không còn tình cảm với bà T1, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Thị T1.

Về nuôi con chung: Ông và bà Lê Thị T1 có 02 người con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 09/11/2008 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 16/8/2010, hiện đang sống cùng với ông. Sau khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn trình bày ý kiến ngày 03/6/2025, bà Lê Thị T1 trình bày*:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, bà và ông Đỗ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau đến tháng 7/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc tính toán làm ăn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và kéo dài nên vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay.

Vê nuôi con chung: Bà và ông Đỗ Thanh T có 02 người con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 09/11/2008 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 16/8/2010, hiện đang sống cùng với ông T. Sau khi ly hôn bà đồng ý để ông T trực tiếp nuôi 02 người con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Thị T1, nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Đỗ Thanh T và bà Lê Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T, bà T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đỗ Thanh T và bà Lê Thị T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông Đỗ Thanh T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ, nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cải, chửi mắng, xúc phạm nhau

và vợ chồng không chung sống với nhau nên ông T yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Thị T1. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 03/6/2025, bà Lê Thị T1 cũng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải và bà T1 vơi ông T không con chung sống với nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thanh T về việc xin ly hôn với bà LêThị T3.

Cho ông Đỗ Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị T1 (ông T và bà T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2019 ngày 22/7/2019).

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Đỗ Thanh T và bà Lê Thị T1 có 02 người con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 09/11/2008 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 16/8/2010. Ông Đỗ Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung, bà Lê Thị T1 đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi. Đồng thời, tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 08/4/2025 con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N và Đỗ Thanh T2 có nguyện vọng được chung sống với ông T. Do đó, giao 02 người con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 09/11/2008 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 16/8/2010 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà Lê Thị T1 không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà T1 thực hiện quyền này nhưng bà T1 cũng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông Đỗ Thanh T.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đỗ Thanh T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đỗ Thanh T không phải chịu do ông T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm ông Đỗ Thanh T, bà Lê Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thanh T về việc xin ly hôn với bà LêThị T3.

Cho ông Đỗ Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị T1 (ông T và bà T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2019 ngày 22/7/2019).

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 09/11/2008 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 16/8/2010 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị T1 không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà T1 thực hiện quyền này nhưng bà T1 cũng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông Đỗ Thanh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đỗ Thanh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đỗ Thanh T không phải chịu do ông T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn.

Bản án sơ thẩm ông Đỗ Thanh T, bà Lê Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hòa, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi